TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/ DS-PT
Ngày: 11-5-2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Thu.

Nguyễn Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2023/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim M, sinh năm 1968; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Ngô Tùng L, sinh năm 1968; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

2. Chị Ngô Thị Hồng Đ, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.
Chị Ngô Thị Hồng Đ ủy quyền cho bà Lê Thị L, theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 9 năm 2022.(có mặt)

3. Anh Ngô Ng, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

Anh Ngô Ng ủy quyền cho bà Lê Thị L, theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 9 năm 2022.(có mặt)

4. Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

5. Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

6. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

7. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

8. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

9. Ông Phạm V, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 2, phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

10. Chị Phạm Thị Phi Y, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 2, phường Nh, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị L, ông Phạm Văn H, ông Phạm Văn H, Phạm Xuân K, chị Phạm Thị Phi Y cùng ủy quyền cho anh Phạm Thanh T, theo Giấy ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2022, theo Giấy ủy quyền ngày 31 tháng 10 năm 2022, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03 tháng 11 năm 2022. (có mặt)

11. Ủy ban nhân dân huyện Ph (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Tr, thị trấn Ph, huyện Ph, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L - Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân V - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ph. Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 11 năm 2022 của ông Lê Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph.

12. Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ph (có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh L - Chủ tịch.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Chồng bà là ông Ngô Tùng L, vợ chồng bà có ba người con là Ngô Thị Hồng Đ, sinh năm 1989; Ngô Ng, sinh năm 1991 và Ngô Hồng Th, sinh năm 1997.

Vào ngày 31/10/1987, chồng bà là ông Ngô Tùng L làm đơn xin đất cất nhà với diện tích đất 4 sào, đã được Hợp tác xã nông nghiệp M và Ủy ban nhân dân xã

M đồng ý. Năm 1987 Nhà nước giao cho vợ chồng bà được quyền sử dụng diện tích 2000m^2 đất tại thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định. Vào ngày 25/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604758, số vào sổ cấp GCN CH 09081 cho vợ chồng bà được quyền sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 72, diện tích 1381m^2 (200m^2 đất ở và 1181m^2 đất trồng cây hàng năm khác), là thiếu đi diện tích đất của bà 619m^2. Thửa đất của vợ chồng bà phía Nam tiếp giáp với phía Bắc thửa đất của bà Lê Thị Kim M; ranh giới của hai thửa đất là cây tre. Vào tháng 9 năm 2018, bà Lê Thị Kim M tự ý chặt cây tre để xây dựng tường rào ranh giới hai thửa đất. Khi đào móng để xây dựng tường rào thì bà M đã lấn qua thửa đất của vợ chồng bà tại vị trí ranh giới giữa hai thửa đất tiếp giáp với nhau như tại vị trí khu F, khu C theo Trích đo địa chính khu đất ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đ và bà M lấn qua phần đất đường đi. Diện tích đất mà bà Lê Thị Kim M lấn thửa đất của vợ chồng bà là 619m^2. Tuy nhiên bà không xác định cụ thể chiều dài và chiều rộng mà bà Môn đã lấn của bà bao nhiêu mét. Ngoài ra, thửa đất của bà Lê Thị Kim M tiếp giáp với đường đi từ đường bê tông nông thôn đến thửa đất của bà; bà Lê Thị Kim M đã lấn đường đi trên với diện tích 76,11m^2 (là diện tích đất khu E theo Trích đo địa chính khu đất của Công ty cổ phần tư vấn Đ ngày 16 tháng 3 năm 2021).

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim M phải có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 619m^2 cho vợ chồng bà sử dụng; yêu cầu bà Lê Thị Kim M trả lại diện tích đất 76,11m^2 mà bà Lê Thị Kim M đã lấn đường đi của Ủy ban nhân dân xã M quản lý. Bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604758, số vào sổ cấp GCN CH 09081 của Ủy ban nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Định cấp ngày 25/11/2011 cho vợ chồng bà; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN CH 10789 của Ủy ban nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Định cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho vợ chồng bà Lê Thị Kim M. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Lê Thị Kim M trình bày:

Vào ngày 25/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện Ph, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN CH 10789 cho vợ chồng bà (ông Phạm Văn Th) được quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 75, diện tích 2095,5m^2 (200m^2 đất ở và 1895,5m^2 đất trồng cây hàng năm khác); địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định. Thửa đất của vợ chồng bà tiếp giáp với thửa đất của vợ chồng bà Lê Thị L ông Ngô Tùng L; ranh giới của hai thửa đất là cây tre và một số cây khác. Phần thửa đất của bà tiếp giáp với thửa đất của vợ chồng ông Ngô Tùng L bà Lê Thị L có vị trí ranh giới giữa hai thửa đất tiếp giáp với nhau tại vị trí khu F, khu C theo Trích đo địa chính khu đất ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đ. Ngoài ra thửa đất của vợ chồng bà tiếp giáp với con đường đi vào nhà vợ chồng ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L. Vào tháng 9/2018, bà xây dựng tường rào ranh giới hai thửa đất cho rõ ràng. Khi đào móng để xây dựng tường rào thì bà đào móng theo đúng ranh giới đã được cấp Giấp chứng nhận quyền sử dụng

đất chứ bà không có lấn qua thửa đất của vợ chồng ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L tại vị trí khu F, khu C và đất giáp đường đi như bà L trình bày và bà cũng không lấn đường đi vào nhà vợ chồng ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L.

Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của bà Lê Thị L. Bà thống nhất ranh giới thửa đất của bà và thửa đất của vợ chồng ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L như kết quả đo đạc ngày 16 tháng 3 năm 2021 và theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng bà. Bà xác định phần diện tích đất khu E, khu F, khu C theo Trích đo địa chính khu đất ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương mà bà L tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà và đã được Ủy ban nhân dân huyện Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN: CH10789, cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011.

Diện tích đất của bà hiện nay tăng hơn so với diện tích đất theo hồ sơ, bản đồ địa chính 299 là do trước đây cha mẹ chồng bà chừa một phần diện tích đất phía nam để làm đường đi vào nhà có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài 50m. Nhà bà Trình Thị S ở phía đông tiếp giáp thửa đất của bà nên có đi nhờ đường đi này. Năm 1994 vợ chồng bà xây cất nhà mới quay mặt hướng tây nên phá dỡ hàng rào đường đi này. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện Ph đo đạc thực tế nhập lại diện tích đất đường đi này để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tùng L, chị Ngô Thị Hồng Đ thống nhất trình bày: Ông L là chồng bà Lê Thị L, chị Đ là con bà L. Ông L, chị Đ thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị L. Ngoài ra không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Ngọc Đ do bà Lê Thị L đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà là mẹ của Ngô Ngọc Đ. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà với tư cách là nguyên đơn. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Thanh T trình bày: Anh là con bà Lê Thị Kim M. Anh thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị Kim M. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Anh Phạm Thanh T đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị S, Phạm Thị L, Phạm Văn H, Phạm Văn H, Phạm Xuân K, Phạm Thị Phi Y trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Ông Phan Xuân V đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Ph trình bày:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604758, số vào sổ cấp GCN: CH09081, cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ số 72, diện tích 1381,0m^2 tại thôn A, xã M, huyện Ph, tỉnh Bình Định và

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN: CH10789, cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Phạm Văn Th, bà Lê Thị Kim M được quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ số 75, diện tích 2095,5m^2 tại thôn A, xã M, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định là thực hiện cấp theo Dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (gọi tắt là VLAP). Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận hai bên không phát sinh tranh chấp.

Nay bà Lê Thị L và bà Lê Thị Kim M phát sinh tranh chấp và bà Lê Thị L yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện Ph đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Thanh L là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M vắng mặt tại phiên tòa. Theo lời khai có tại hồ sơ ông Phạm Thanh L trình bày:

Ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M. Diện tích đất đang tranh chấp 76,11m^2 (diện tích đất khu E theo Trích đo địa chính khu đất ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Công ty cổ phần tư vấn Đ) trước đây là phần đất đường đi (đất công cộng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M quản lý, theo công văn số 170/CV-UBND ngày 06/7/2021 của UBND xã M trả lời cho Tòa án thì UBND xã không thống nhất theo ý kiến của bà L, diện tích này không phải đất đường đi mà bà Môn lấn chiếm. Phần diện tích thửa đất bà M tăng lên đang tranh chấp là phần đất đường đi vào nhà bà Trình Thị S do UBND xã quản lý, nhưng đoan đường này không còn sử dụng và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận theo dự án Vlap cho hộ bà M.

Do đó yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo đúng ranh giới thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số *80/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Ph quyết định:*

1. Bác yêu cầu của bà Lê Thị L yêu cầu bà Lê Thị Kim M trả lại diện tích đất 619m^2 và 76,11m^2.

2. Bác yêu cầu của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604758, số vào sổ cấp GCN: CH09081 của Ủy ban nhân dân huyện Ph cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Ngô Tùng L, bà Lê Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN: CH10789 của Ủy ban nhân dân huyện Ph cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Phạm Văn Th, bà Lê Thị Kim M.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28/12/2022, bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ nội dung quyết định của bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu bà Lê Thị Kim M phải trả 619m^2 đất bà Môn đã lấn chiếm, trả 76,11m^2 đất đã lấn chiếm đường đi; Yêu cầu hủy giấy chứng

nhận đã cấp đối với thửa đất bà Môn; yêu cầu bà M phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Việc bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của bà, buộc bà Lê Thị Kim M trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà bao gồm 619m^2 và diện tích đường đi là 76,11m^2 ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn Th, bà Lê thị Kim M là không có cơ sở nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M và Ủy ban nhân dân huyện Ph vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Lộc, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Thửa đất 1149, tờ bản đồ số 9 theo sổ mục kê, sổ địa chính và bản đồ 299 năm 1984 có diện tích 1.340m^2. Thực hiện theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của chính phủ thì hộ gia đình bà L được UBND huyện Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00152 ngày 22/9/1993 đối với thửa đất số 1149, tờ bản đồ số 09, diện tích 1340m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 1.140m^2 đất vườn) cho hộ gia đình bà L. Đến ngày 20/4/2011 bà Lộc có đơn cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 1149 được chỉnh lý thành thửa đất 341, tờ bản đồ 72, diện tích 1.381m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 1.180m^2 đất trồng cây hàng năm) và được UBND huyện Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09081 ngày 25/11/2011.

Theo công văn UBND xã M trả lời cho Tòa án số 154/CV-UBND ngày 04/10/2022 (BL 129) thì phần diện tích tăng 41m^2 so với sổ mục kê và sổ địa chính là sai số trong quá trình đo đạc trước đây.

[2.2] Thửa đất 133, theo sổ mục kê, sổ địa chính và bản đồ 299 năm 1984 có diện tích 1.410m^2. Thực hiện theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của chính phủ thì hộ gia đình bà M được UBND huyện Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00066 ngày 22/9/1993 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.410m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 1.210m^2 đất vườn) cho hộ gia đình bà M. Đến ngày 19/4/2011 bà M có đơn cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất 133 được chỉnh lý thành thửa đất 45, tờ bản đồ 75, diện tích 2.095m^2 (trong đó 200m^2 đất ở và 1.895m^2 đất trồng cây hàng năm) và được UBND huyện Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH09081 ngày 25/11/2011.

Theo công văn UBND xã M trả lời cho Tòa án số 154/CV-UBND ngày 04/10/2022 (BL 129) thì phần diện tích tăng 685,5m^2 so với sổ mục kê và sổ địa chính là sai số trong quá trình đo đạc trước đây và gộp một phần diện tích đường đi ở phía Nam của thửa đất.

[2.3] Thửa đất 341 do gia đình bà L quản lý sử dụng và thửa đất 45 do gia đình bà M quản lý sử dụng tiếp giáp với nhau. Qua công tác kiểm tra thực tế, đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm ngày 24/10/2019 kết quả xác định thửa đất số 341 có diện tích thửa đất 1381,01m^2 là dư 0,01m^2 so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà L (ký hiệu khu B trên bản vẽ); còn thửa đất số 45 có diện tích 2095,46m^2, là thừa 0,46m^2 so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà M (ký hiệu khu đất G, C, E, F trên bản vẽ). Sự chênh lệch giữa thực tế giữa đo đạc thực tế và giấy chứng nhận là 0,01m^2 và 0,46m^2 nằm trong sai số cho phép.

Đối chiếu bản vẽ đo đạc ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ph trùng khớp với hình dạng của bản vẽ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình bà L và bà M. Do đó, từ khi gia đình bà L, bà M được cấp giấy chứng nhận năm 1993 thì hai bên gia đình sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng cho đến khi xảy ra tranh chấp năm 2018, diện tích đất quản lý sử dụng từ năm 1993 đến năm 2011 hai bên đều tăng lên, và từ năm 2011 đến nay diện tích đất hai bên không thay đổi nên không đủ cơ sở để xác định gia đình bà M lấn đất gia đình bà L.

Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà L cho rằng phần đất tranh chấp 619m^2 từ trước đến nay bà không sử dụng nhưng bà cho rằng phần đất này là của gia đình bà là không có cư sở.

[2.4] Ngoài ra, tại Công văn số 149/CV-UBND ngày 22/10/2018 (BL 03) của UBND xã M trả lời cho bà Lê Thị L và Công văn số 170/CV-UBND ngày 06/7/2021 (BL 110); Công văn số 154/CV-UBND ngày 04/10/2022 (BL 129) của UBND xã M trả lời cho Tòa án đã khẳng định không thống nhất việc đòi lại đất của bà L. Vì phần diện tích bà Lộc cho rằng gia đình bà M lấn chiếm là phần đất đường đi phía Nam do UBND xã quản lý, nhưng đoạn đường này không còn sử dụng và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận cho hộ bà M nên diện tích tăng lên không phải lấn chiếm của hộ bà L. Còn phần đất 76,11m^2 mà bà Lộc cho rằng bà Môn lấn đường đi vào nhà bà L thì UBND xã không thống nhất theo ý kiến bà L do không phải đất đường đi vào nhà bà L.

Đồng thời, căn cứ vào bản vẽ đo đạc ngày 24/10/2019 của Tòa án huyện Ph thì chiều rộng đường đi vào nhà bà Lộc là 4,1 mét đúng với số đo bản vẽ trên giấy chứng nhận cấp cho hộ bà L và đúng với UBND xã đã xác nhận tại Công văn số 149/CV-UBND ngày 22/10/2018 (BL 03) nên hộ bà M không lấn chiếm đường đi vào nhà bà L.

[3 Từ những phân tích nêu trên tại mục [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4] xét thấy kháng cáo của bà Lê Thị L yêu cầu bà Lê Thị Kim M phải trả 619m^2 đất bà M đã lấn chiếm của bà, trả lại 76,11m^2 đất đã lấn chiếm đường đi; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất số 45 đã cấp cho hộ gia đình bà M là không có căn cứ nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu khởi của bà L không được chấp nhận.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà L phải chịu 300.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của bà Lộc không được tòa án chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 10.000.000 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 163, 164, 175, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 26, 166, 203 Luật đất đai năm 2013;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 80/2022/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Ph.

2. Bác yêu cầu của bà Lê Thị L yêu cầu bà Lê Thị Kim M trả lại diện tích đất 619m^2 lấn chiếm thửa đất của bà L và 76,11m^2 lấn chiếm đường đi vào nhà của bà Lộc.

3. Bác yêu cầu của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604758, số vào sổ cấp GCN: CH09081 do Ủy ban nhân dân huyện Ph cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Ngô Tùng Lợi, bà Lê Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 604608, số vào sổ cấp GCN: CH10789 do Ủy ban nhân dân huyện Ph cấp ngày 25 tháng 11 năm 2011 cho ông Phạm Văn Th, bà Lê Thị Kim M.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002505 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph, (đã nộp xong).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà lê Thị L phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008942 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph (đã nộp xong).

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị L phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà L đã nộp xong.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Ph;
- CCTHADS huyện Ph;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng